

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/ DS-ST

Ngày: 20-4-2018

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Công Chiến;

2/ Bà Dương Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa Án Nhân Dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2017/ TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp: “*Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S.**

Trụ sở: số 266-268, đường N, phường 8, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1979 – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S– Chi nhánh B theo văn bản ủy quyền số 2384/2017/GUQ-PL&TT ngày 07/8/2017.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1971 (có mặt) (Văn bản ủy quyền số 31/2018/UQ-CNBT ngày 24/01/2018).

Địa chỉ: 14C1, đại lộ Đ, phường P, thành phố B.

Bị đơn: **Châu Tuấn Đ**, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 133B, đường T, phường 6, thành phố B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2017, bản tự khai ngày 16/12/2017 và những lời khai tiếp theo đại diện của nguyên đơn trình bày như sau:*

Vào ngày 24/7/2015 ông Châu Tuấn Đ có đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với hạn mức thẻ tín dụng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), mục đích tiêu dùng, lãi suất 2,5%/tháng, cách thức sử dụng tiền trong thẻ tín dụng là có thể mua hàng hóa tại những nơi thanh toán bằng thẻ tín dụng hoặc cũng có thể rút tiền mặt.

Sau khi sử dụng số tiền đã vay, ngày 05/12/2016 ông Đ có trả cho Ngân hàng được số tiền lãi là 2.830.000đ, từ ngày 06/12/2016 cho đến nay ông Đ không trả tiền vốn, lãi cho Ngân hàng, số tiền ông Đ còn nợ Ngân hàng là 17.548.000đ trong đó tiền vốn là 10.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 10/11/2017 là 7.548.000đ.

Do ông Đ đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông Đ trả cho Ngân hàng số tiền 17.548.000đ (Mười bảy triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn đồng) và lãi suất theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 11/11/2017 cho đến khi trả xong số tiền còn nợ vốn.

* Ông Châu Tuấn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến về yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh B yêu cầu ông Châu Tuấn Đ trả tiền vay còn nợ, theo hợp đồng tín dụng mục đích vay tiền của ông Đ là để tiêu dùng, từ đó có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”.

Ông Đ có đăng ký hộ khẩu và tại thời điểm vay ông Đ sinh sống tại số nhà 133B, đường T, phường 6, thành phố B, tỉnh T nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Châu Tuấn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Đ trả tiền vốn vay, lãi tính đến ngày 10/11/2017 là số tiền 17.548.000đ

(Mười bảy triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn đồng) và lãi suất tiếp theo theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 11/11/2017 cho đến khi ông Đ trả xong số tiền còn nợ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Vào ngày 24/7/2015 ông Châu Tuấn Đ có đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với hạn mức thẻ tín dụng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), mục đích tiêu dùng, lãi suất 2,5%/tháng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Đ vào ngày 24/7/2015 với số tài khoản là 511217, số tiền trong thẻ tín dụng là 10.000.000đ.

Sau khi nhận thẻ tín dụng ông Đ đã sử dụng toàn bộ số tiền trong thẻ, đến ngày 05/12/2017 ông Đ có trả cho Ngân hàng được số tiền lãi là 2.830.000đ, từ ngày 06/12/2017 cho đến nay ông Đ không trả tiền vốn, lãi cho Ngân hàng, số tiền ông Đ còn nợ Ngân hàng là trong đó tiền vốn là 10.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 10/11/2017 là 7.548.000đ.

Do ông Đ đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông Đ trả cho Ngân hàng số tiền 17.548.000đ (Mười bảy triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn đồng) và lãi suất tiếp theo theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 11/11/2017 cho đến khi trả xong số tiền nợ vốn.

Hội đồng xét xử xét thấy, thông qua việc cấp thẻ tín dụng của Ngân hàng và việc nhận thẻ tín dụng của ông Đ cho thấy ông Đ đã nhận được đầy đủ số tiền phía Ngân hàng giao cho ông, ông Đ đã sử dụng hết quyền nhận tài sản nhưng không thanh toán nợ vốn và lãi khi đến hạn thanh toán là đã vi phạm những điều khoản quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng mà ông Đ đã ký vào ngày 24/7/2015 với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ trả tiền vốn vay còn nợ tính đến ngày 10/11/2017 là có căn cứ nên được xem xét chấp nhận, do đó cần buộc ông Đ trả cho Ngân hàng số tiền vốn trong thẻ tín dụng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Về lãi suất: Ngân hàng yêu cầu ông Đ trả lãi suất trong hạn tính từ ngày 05/9/2015 cho đến ngày 10/11/2017 với mức lãi suất là 2,5%/tháng là 7.548.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy do ông Đ chậm thanh toán trả tiền vốn và lãi suất khi đến hạn là đã vi phạm quy định tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương Mai Cổ phần S, Ngân hàng yêu cầu ông Đ trả lãi suất theo quy định tại Điều 22, 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là có căn cứ nên được xem xét chấp nhận, cụ thể lãi trong hạn tính từ ngày 05/9/2015 đến ngày 10/11/2017 là 2,5%/tháng là 7.548.000đ, do đó cần buộc ông Đ trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 7.548.000đ (Bảy triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu ông Đ phải tiếp tục trả lãi suất theo mức lãi suất tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/7/2015 cho Ngân hàng tính từ ngày 11/11/2017 cho đến khi trả xong số nợ cho Ngân hàng. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nên ông Đ còn phải tiếp tục trả lãi suất cho đến khi thanh toán hết nợ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi suất tiếp theo từ ngày 11/11/2017 của Ngân hàng.

Tổng cộng tiền vốn, lãi ông Đ phải trả tính từ ngày 05/9/2015 cho đến ngày 10/11/2017 là 17.548.000đ (Mười bảy triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do ông Đ là người phải trả nợ cho Ngân hàng nên ông Đ phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Cụ thể: $17.548.000đ \times 5\% = 877.400đ$ (Tám trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm đồng).

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được xem xét chấp nhận nên Ngân hàng được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, khoản 2, 3 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh B về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” đối với ông Châu Tuấn Đ.

2/ Buộc ông Châu Tuấn Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh B tính đến ngày 10/11/2017 số tiền 17.548.000đ (Mười bảy triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn đồng) trong đó tiền nợ vốn là 10.000.000đ, tiền lãi là 5.480.000đ (Năm triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng)

Ông Đ còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh B lãi suất phát sinh trên số tiền vốn theo mức lãi suất trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/7/2015 kể từ ngày 11/11/2017 cho đến khi ông Đ thanh toán xong số tiền còn nợ.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Đ phải nộp án phí là 877.400đ (Tám trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 439.000đ (Bốn trăm ba mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013996 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4/ Ngân hàng được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, ông Đ được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Châu

Hội Thẩm Nhân Dân

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Công Chiến Dương Thị Thanh Thủy

Nguyễn Thị Diễm Châu

